

**TOA AN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Ban án số: 08/2018/DSST

Ngày: 18/4/2018

Về: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự về đòi lại tài sản cho
vay*”

**CONG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Nôc lap – Tồ do – Hành phục**

**NHÂN DANH
NÖÖC CONG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOA AN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Vôì thanh phan hôi ñồng xét xõ sô tham gom co:

- Tham phan - Chu toa phiên toa: Bà Bùi Thị Luân
- Hôi tham nhân dân:
 - 1/ Ông Nguyễn Văn Nha
 - 2/ Bà Nguyễn Thị Minh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 về: “*Đòi lại tài sản*” theo quyết định hoãn vụ án ra xét xử số: 13/2018/QNXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị L - Sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị L là bà: Đỗ Thị T – sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường L thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2017).

(Bà Đỗ Thị T có đơn xin vắng mặt)

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1959

Ông Đặng Văn S - Sinh năm: 1955

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Bà H có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong phiên họp, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/3/2012 bà Trịnh Thị L có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Văn S vay 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC để bà H, ông S giải quyết việc gia đình, Vì quan hệ thân quen nên bà L không lấy tiền lãi. Bà H có viết và ký vào giấy mượn tiền ngày 16/3/2012. Bà H và ông S hẹn trong thời hạn 01 năm kể từ ngày vay tiền sẽ trả nợ cho bà L. Sau khi vay tiền, đến thời hạn trả nợ, bà L đòi

nợ nhưng bà H, ông S không chịu trả. Cho đến nay, bà L đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà H, ông S vẫn không chịu trả. Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà H, ông S phải trả cho bà L 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC. Về lãi suất, bà L không yêu cầu.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 16/3/2012 bà có vay của bà Trịnh Thị L 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC. Bà có viết và ký vào giấy mượn tiền ngày 16/3/2012. Thời hạn trả nợ là sau 01 năm kể từ ngày mượn tiền, vàng. Sau khi vay tiền, vàng, bà chưa trả nợ cho bà L. Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà (chồng bà là Đặng Văn S) phải trả 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC bà không đồng ý chồng bà cùng bà trả nợ cho bà L vì việc vay tiền, vàng trên chỉ có một mình bà vay và ký vào giấy mượn tiền, vàng còn chồng bà không biết gì về việc vay tiền, vàng này, không ký vào giấy mượn tiền, vàng và không biết bà sử dụng số tiền, vàng này. Bà chỉ chấp nhận bà trả cho bà L 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018, còn lại 10.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC trả vào tháng 9/2018.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án: Giấy giấy mượn tiền ngày 16/3/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ngày 18/4/2018, bà Đỗ Thị T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trịnh Thị L đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Bị đơn ông Đặng Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có tình vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Văn S.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trịnh Thị L yêu cầu giải quyết về tranh chấp hợp đồng dân sự về đòi lại tài sản cho vay giữa bà và bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Văn S là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Trịnh Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Văn S phải trả lại tài sản là 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC. Bà Nguyễn Thị H chỉ chấp nhận bà H trả dần cho bà L 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC, còn chồng bà ông Đặng Văn S không liên quan gì đến việc bà H vay tiền, vàng trên nên không có trách nhiệm cùng bà H trả nợ.

Xét:

[2.1]. Ngày 16/3/2012 bà Nguyễn Thị H có vay của bà Trịnh Thị L 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC theo giấy mượn tiền ngày 16/3/2012 do bà H viết và ký. Giấy mượn tiền lập ngày 16/3/2012 nêu trên chỉ có chữ ký của bà Nguyễn Thị H, không có chữ ký của ông Đặng Văn S. Nguyên đơn cho rằng chồng bà H là ông Đặng Văn S cùng bà H vay số tiền, vàng trên để giải quyết việc gia đình nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được bà H thừa nhận nên không có cơ sở xem xét. Do đó, việc bà L yêu cầu chồng bà H là ông S trả nợ cho bà L là không có cơ sở.

[2.2]. Bà L và bà H thỏa thuận thời hạn trả nợ là sau một năm kể từ ngày mượn tiền (ngày 16/3/2012) nhưng sau khi vay tiền, vàng bà H không chịu trả nợ theo đúng thời hạn đã cam kết và cho đến nay vẫn không trả nợ cho bà L. Như vậy, bà H đã chiếm hữu tài sản của bà L không có căn cứ pháp luật thông qua giao dịch dân sự. Do đó, bà H phải có trách nhiệm trả cho bà L 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trịnh Thị L, buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Trịnh Thị L 20.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng SJC theo quy định tại khoản 1 điều 474, điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về tiền lãi: Bà L không yêu cầu nên không xét.

[3]. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 20.000.000 đồng + (3,5 chỉ vàng SIC x 3.700.000 đồng/chỉ) x 5% = 1.647.500 đồng.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 474, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trịnh Thị L, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Trịnh Thị L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và 3,5 (ba phẩy năm) chỉ vàng SJC.

2/ *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 1.647.500 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trịnh Thị L 815.000 đồng (Tám trăm mười lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0012100 ngày 04/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

* Quy định: Kể từ ngày bà Trịnh Thị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Trịnh Thị L cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Thị H không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm

khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị L, ông Đặng Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nội nhan:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Thi hành án dân sự thành phố C
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HOI NÔNG XET XÖ
Tham phán- Chu toa phien toa

Bùi Thị Luân